

TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2016

Trần Việt Long

Tóm tắt: Trẻ em là niềm hạnh phúc của mỗi gia đình, là tương lai của đất nước. Đó là tư tưởng được quán triệt trong mọi chính sách, văn bản pháp luật trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến vấn đề chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Kết quả phân tích bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2012 và 2016 cho thấy trong khoảng 4 năm (2012-2016) vẫn còn một bộ phận trẻ em đang tham gia làm việc, nhất là hoạt động nông nghiệp, nhằm tạo thu nhập cho bản thân và gia đình, khi đó tuổi càng tăng thì tỷ lệ các em tham gia các công việc cũng tăng theo. Bài viết này cho thấy tình trạng lao động trẻ em còn phụ thuộc đáng kể vào thời gian làm việc, giới tính, học vấn, quy mô hộ và khu vực cư trú. Ngoài ra, trẻ em thường làm việc không có hợp đồng lao động, ít được đóng bảo hiểm xã hội.

Từ khóa: Trẻ em, lao động trẻ em; loại hình công việc; thời gian làm việc.

Mở đầu

Đất nước ta đang trên đường hội nhập và phát triển, nền kinh tế đã có những bước phát triển đáng tự hào và được nhiều nước trên thế giới đánh giá cao, chúng ta đang hướng tới mục tiêu phấn đấu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại để có thể sánh vai với các nước phát triển trên thế giới. Bên cạnh những thành tựu về kinh tế - xã hội, chúng ta đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức từ mặt trái của nó, đó là sự phân tầng xã hội, quá trình đô thị hoá không đồng bộ, ô nhiễm môi trường, thất nghiệp, người già neo đơn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt... Riêng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, một trong những nhóm đối tượng phải kể đến là lao động trẻ em.

Việt Nam là nước đầu tiên ở khu vực châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (ILO, 2014). Nhiều chủ trương, đường lối, hệ thống chính sách pháp luật cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã được ban hành. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một bộ phận trẻ em và người chưa thành niên phải tham gia lao động, đang đặt ra nhiều vấn đề thách thức về chất lượng

lao động, cả về bài toán bảo đảm an sinh xã hội cho nhóm trẻ em này.

Để giảm thiểu nguy cơ nhiều trẻ bị ngược đãi, bị hắt hủi, bị buộc lao động sớm hiện nay, Quốc hội đã thông qua Luật Trẻ em (Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2016), trong luật quy định trẻ em cần được bảo vệ, chăm sóc, giáo dục một cách tốt nhất đồng thời nêu ra 15 hành vi bị nghiêm cấm áp dụng với trẻ em như tước đoạt quyền sống của trẻ, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ, ép trẻ tảo hôn, xâm hại trẻ... Tuy nhiên, quy định của luật chưa đề cập rõ ràng việc nghiêm cấm ép buộc trẻ em tham gia làm các công việc nặng nhọc, độc hại. Điều 26 của luật này chỉ quy định trẻ em có quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động. Như vậy, luật mới này cũng chưa tạo ra được bước đột phá trong việc xử lý, răn đe những trường hợp ép buộc, lạm dụng lao động trẻ em vì lợi ích kinh tế. Bên cạnh đó, các chế tài xử lý các trường hợp vi phạm được quy định trong các văn bản pháp lý khác cũng chưa có sự điều chỉnh tương thích, kể cả Bộ luật Lao động (Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2012).

Dựa trên bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2012 và 2016 (VHLSS), bài viết tìm hiểu tình trạng lao động của trẻ em hiện nay ở một số khía cạnh như loại hình công việc, loại hình kinh tế, thời gian làm việc, tiền lương/tiền công, tính đảm bảo công việc và chỉ ra những yếu tố liên quan đến tình trạng lao động của trẻ em, từ đó giúp các nhà quản lý, hoạch định chính sách nhìn nhận và có những cách thức tương tác trong việc giảm thiểu tình trạng lao động trẻ em ở Việt Nam.

1. Một số khái niệm và nguồn số liệu

Trẻ em: Theo Công ước Quốc tế của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em (Nghị quyết số 44-25 ngày 20/11/1989 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, có hiệu lực từ ngày 2/9/1990, theo điều 49 của Công ước, Việt Nam phê chuẩn ngày 20/2/1990): Trẻ em được xác định là người dưới 18 tuổi, trừ phi pháp luật quốc gia quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Lao động trẻ em

Hiện nay khái niệm lao động trẻ em theo cách hiểu của Công ước Quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 “Lao động trẻ em là người lao động chưa đủ 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi trưởng thành sớm hơn” (dẫn theo Phan Thị Lan Phương, 2014).

Bộ Luật lao động Việt Nam năm 2012 không đưa ra định nghĩa về lao động trẻ em mà chỉ định nghĩa về lao động chưa thành niên theo quy định tại Điều 6: “Người lao động là người ít nhất đủ 15 tuổi có khả năng giao kết hợp đồng lao động”, Điều 161 quy định “Người lao động chưa thành niên là người lao động dưới 18 tuổi”. Như vậy, pháp luật Việt Nam đã bao hàm lao động trẻ em trong khái niệm người lao động chưa thành niên nhằm bảo vệ chung với những người chưa có năng lực pháp luật và năng lực hành vi đầy đủ.

Do giới hạn của bộ số liệu có sẵn nên khái niệm lao động trẻ em được áp dụng trong đề tài này là: nhóm trẻ em trong độ tuổi từ 10-16 làm các công việc bị lạm dụng về mặt thời gian so với độ tuổi. Cụ thể, bài viết tập trung vào phân tích việc làm của trẻ em với công việc chính - là việc làm chiếm nhiều thời gian nhất, có tạo ra thu nhập

trong thời gian 12 tháng và 30 ngày tính đến thời điểm diễn ra cuộc điều tra. Số giờ các em làm việc như sau: Trẻ em từ 10-11 tuổi tham gia làm việc trung bình từ 2 giờ trở lên/ngày, trẻ em từ 12-14 tuổi tham gia làm việc trung bình từ 5 giờ trở lên/ngày và trẻ em từ 15-16 tuổi tham gia làm việc trung bình từ 8 giờ trở lên/ngày.

Nguồn số liệu: Các phân tích trong bài viết này dựa trên bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2012 và năm 2016 do Tổng cục Thống kê thực hiện. Cuộc điều tra năm 2012 và năm 2016 được tiến hành trên 9.399 hộ gia đình theo một số nội dung như thu nhập, chi tiêu, việc làm, y tế, giáo dục... Trong mẫu¹ có khoảng 10.175.921 trẻ em trong độ tuổi từ 10-16 (2012) và năm 2016 là khoảng 10.494.581 em.

2. Kết quả phân tích

2.1. Những đặc trưng cơ bản của trẻ em trong độ tuổi từ 10-16

Số liệu điều tra VHLSS 2012 và VHLSS 2016 cho thấy, năm 2012, số trẻ em trong độ tuổi từ 10-16 là khoảng 10.175.921 người; chiếm 11,4% trong tổng số khoảng 89.251.935 người. Cũng trong độ tuổi này, năm 2016 có khoảng 10.494.581 người; chiếm 11,1% trong tổng số khoảng 94.620.738 người dân hiện đang sinh sống tại Việt Nam.

Về giới tính, trong cả 2 năm 2012 và 2016, trẻ em nam đều chiếm tỷ lệ cao hơn trẻ em nữ, lần lượt là (50,5% so với 49,5% năm 2012) và (51% so với 49% năm 2016). Về nhóm tuổi, trong năm 2012, nhóm trẻ em từ 12-14 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (42,6%), tiếp đến là nhóm trẻ em từ 15-16 (29,9%), và nhóm thấp nhất từ 10-11 tuổi (27,5%). Trong năm 2016, nhóm trẻ em từ 12-14 tuổi vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất (42,2%) và 2 nhóm trẻ em từ 10-11 tuổi và 15-16 tuổi có tỷ lệ bằng nhau (28,9%).

¹ Số lượng trẻ em (10-16 tuổi) đã được gia trọng và các phân tích trong bài viết dựa trên việc số liệu đã gia trọng.

Về trình độ học vấn, trong cả 2 năm 2012 và 2016, trẻ em có bằng tiểu học chiếm tỷ lệ cao nhất, lần lượt là (58,3% và 59,5%), tiếp đến là các em có bằng trung học cơ sở (24,3% và 25,2%) và các em không có bằng cấp chiếm tỷ lệ thấp nhất (17,3% và 15,2%). Về trình độ nghề đã qua đào tạo, đại đa số trẻ em trong cả 2 năm 2012 và 2016 không có bằng nghề, lần lượt là (99,8% và 99,3%), chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ các em có bằng sơ cấp nghề (0,2% và 0,7%).

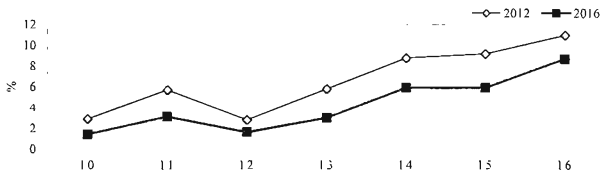
Về quy mô hộ gia đình, trong năm 2012, quy mô trung bình của hộ gia đình có trẻ em sinh sống là 4,75 người/hộ; trong đó có 51,4% trẻ em đang sống trong các hộ gia đình có từ 4 người trở xuống và 48,6% trẻ em sống trong các gia đình có từ 5 người trở lên. Trong năm 2016, quy mô trung bình của hộ gia đình có trẻ em sinh sống là 4,69 người/hộ; trong đó 54,1% trẻ em đang sống trong

các hộ gia đình có từ 4 người trở xuống và 45,9% trẻ em đang sống trong các gia đình có từ 5 người trở lên. Về địa bàn cư trú, trong cả 2 năm 2012 và 2016, trẻ em phần lớn sinh sống ở khu vực nông thôn, lần lượt là (73,6% và 72%), còn lại là sống ở thành thị (26,4% và 28%).

2.2. Tình trạng việc làm của lao động trẻ em giai đoạn 2012-2016

Số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016 cho thấy, trên phạm vi cả nước, trong 12 tháng và 30 ngày gần nhất diễn ra cuộc điều tra, trong năm 2012 có 6,7% trẻ em tham gia làm việc (về số lượng là khoảng 680.922 người); trong năm 2016 có 4,2% trẻ em tham gia làm việc (về số lượng là khoảng 441.719 người). Như vậy, có thể thấy tình trạng lao động trẻ em trong năm 2012 cao hơn năm 2016.

Hình 1: TỶ LỆ LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO TUỔI

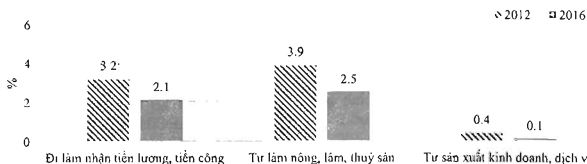


Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016

Hình 1 cho thấy tỷ lệ lao động trẻ em năm 2012 cao hơn tỷ lệ trẻ em năm 2016 trong tất cả các độ tuổi từ 10-16. Trong năm 2012 và 2016, tỷ lệ

lao động trẻ em trong độ tuổi 12 có xu hướng giảm so với độ tuổi 11, và từ 13-16 tuổi, tỷ lệ lao động trẻ em lại tăng đều trở lại.

Hình 2: LOẠI HÌNH CÔNG VIỆC CỦA LAO ĐỘNG TRẺ EM



Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016.

Xét theo loại hình công việc. Hình 2 cho thấy trẻ em hiện đang làm việc ở 3 nhóm công việc: đi làm công hưởng lương; tự sản xuất, kinh doanh dịch vụ; tự làm nông, lâm, thủy sản (làm nông nghiệp) trong giai đoạn 2012-2016, trong đó các em làm công việc nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ cao nhất (3,9% năm 2012 và 2,5% năm 2016) bởi phần lớn trẻ em trong độ tuổi được nghiên cứu sinh sống ở nông thôn và được đào tạo nghề rất thấp. Đồng thời, đặt trong bối cảnh Việt Nam chịu tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, di cư lao động là một quá trình tất yếu. Ngày càng nhiều người trong độ tuổi lao động di cư từ nông thôn ra thành phố làm việc. Điều này khiến tỷ lệ gia đình khuyết thiếu/khuyết giả tạm thời tăng lên. Các thành viên ở lại trong gia đình nông thôn chủ yếu là trẻ em và người cao tuổi (Nguyễn Danh Sơn, 2012). Có lẽ đây cũng là một trong những lý do khiến trẻ em tham gia làm việc trong các lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ cao.

Về các loại hình kinh tế lao động trẻ em tham gia: Bộ số liệu VHLSS 2012 và 2016 cho thấy trẻ em làm việc trong nhiều loại hình kinh tế khác nhau, tuy nhiên tập trung chủ yếu làm trong hộ nông, lâm, thủy sản/cá nhân (64% năm 2012; 68,7% năm 2016). Riêng đối với hình thức trẻ em làm việc cho nhà nước (1,6% năm 2012; 0,3% năm 2016) và làm việc cho vốn đầu tư nước ngoài (2% năm 2012; 1,9% năm 2016) tuy lần lượt chiếm tỷ lệ thấp nhất nhưng vẫn cần phải hạn chế tuyển dụng các em và nếu có tuyển dụng thì phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt trong các bộ luật như Luật trẻ em, Luật lao động và chính quốc hội nước ta đã ban hành các bộ luật đó.

Về thời gian làm việc: Năm 2012, với khoảng 680.922 trẻ em hiện đang làm việc trong 12 tháng và 30 ngày gần nhất tính từ cuộc điều tra, thời gian làm việc trung bình của các em là 19 ngày/tháng và 7,1 giờ/ngày. Xét về giới tính, thời gian làm việc trung bình của các em nam là 18 ngày/tháng và 6,98 giờ/ngày, thời gian làm việc trung bình của các em nữ là 20 ngày/tháng và 7,25 giờ/ngày.

Năm 2016, với khoảng 441.719 trẻ em hiện đang làm việc, thời gian làm việc trung bình của các em là 19 ngày/tháng và 7,23 giờ/ngày. Xét về giới tính, thời gian làm việc trung bình của các em nam là 19 ngày/tháng và 7,28 giờ/ngày, thời

gian làm việc trung bình của các em nữ là 18 ngày/tháng và 7,16 giờ/ngày.

Để đảm bảo quá trình tái sản xuất sức lao động đối với người lao động nói chung và lao động chưa thành niên nói riêng, Bộ Luật Lao động đã dành một chương quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Cụ thể Điều 163 quy định như sau: Thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi không được quá 8 giờ trong 1 ngày và 40 giờ trong 1 tuần, được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề và công việc theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Thời gian làm việc của người lao động dưới 15 tuổi không được quá 4 giờ trong 1 ngày và 20 giờ trong 1 tuần, không được sử dụng làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

Về tiền lương/tiền công: là một nhân tố quan trọng trong việc quyết định đi làm của trẻ, năm 2012, trong số khoảng 680.922 trẻ em tham gia làm việc thì có 44,8% (khoảng 305.277 em) nhận được tiền lương, tiền công trong tháng làm việc gần nhất. Tiền lương trung bình các em nhận được là 1.932.000 đồng/tháng, mức tiền lương thấp nhất là 90.000 đồng/tháng và mức tiền lương cao nhất là 5.507.000 đồng/tháng. Năm 2016, trong số khoảng 441.719 trẻ em tham gia làm việc thì có 46,5% (khoảng 205.372 em) nhận được tiền lương/tiền công trong tháng làm việc gần nhất. Tiền lương trung bình các em nhận được là 2.521.000 đồng/tháng, mức tiền lương thấp nhất là 350.000 đồng/tháng, mức tiền lương cao nhất là 6.250.000 đồng/tháng.

Tình đảm bảo của việc làm: Khi xem xét một việc làm có được đảm bảo hay không theo quy định của Luật lao động, người ta dựa trên một số tiêu chí như người lao động được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội hay không. Đối với trẻ em, tại Điều 164 Bộ Luật lao động năm 2012 có quy định rõ là nơi sử dụng lao động dưới 15 tuổi phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản đối với người đại diện theo pháp luật và phải được sự đồng ý của các em. Số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016 cho thấy phần lớn trẻ em đang làm các công việc không được đảm bảo, chỉ 18,5% trẻ em năm 2012 và 10,9% trẻ em năm 2016 được ký hợp đồng lao động. Tuy nhiên, tỷ lệ được đóng

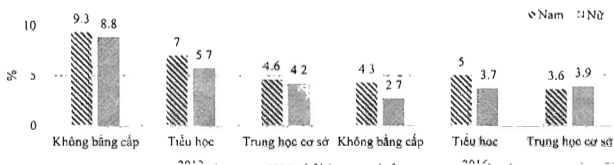
bảo hiểm xã hội cho công việc của mình đang làm là thấp hơn so với tỷ lệ được ký hợp đồng lao động (9,2% năm 2012 và 6,5% năm 2016). Nếu so sánh 2 năm với nhau, tỷ lệ trẻ em được ký hợp đồng lao động năm 2012 cao hơn năm 2016 gấp 1,7 lần (18,5% so với 10,9%) và gấp 1,4 lần đối với tỷ lệ được đóng bảo hiểm xã hội (9,2% so với 6,5%).

2.3. Những yếu tố liên quan đến tình trạng lao động trẻ em giai đoạn 2012-2016

Những yếu tố thuộc về đặc điểm cá nhân và gia đình lao động trẻ em

Số liệu VHLSS 2012 và 2016 cho thấy, tỷ lệ trẻ em nam tham gia lao động nhiều hơn tỷ lệ trẻ em nữ trong giai đoạn từ năm 2012-2016, lần lượt là (7,2% nam so với 6,2% nữ năm 2012; 4,7% nam so với 3,7% nữ năm 2016). Vì vậy, biến số giới tính sẽ được xem xét trong tất cả các phân tích mối liên hệ giữa tình trạng lao động trẻ em và một số biến số độc lập khác.

Hình 3: TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO HỌC VẤN VÀ GIỚI TÍNH

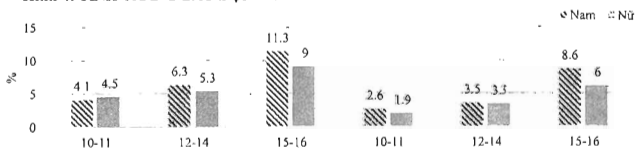


Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016.

Xét theo trình độ học vấn, Hình 3 cho thấy có sự khác biệt rõ nét giữa nhóm trẻ không bằng cấp đi làm trong năm 2012 và năm 2016. Cụ thể trong năm 2012, tỷ lệ nhóm trẻ em không bằng cấp đi làm chiếm tỷ lệ cao nhất (9,3% nam và 8,8% nữ), trong khi đó, năm 2016, tỷ lệ nhóm này đi làm đã giảm thấy rõ, xuống còn 4,3% nam và 2,7% nữ. Trong tất cả các nhóm bằng cấp, tỷ lệ trẻ em nam luôn cao hơn trẻ em nữ, ngoại trừ năm 2016 có nhóm trung học cơ sở, tỷ lệ trẻ em nữ cao hơn trẻ em nam (3,9% so với 3,6%). Ngoài ra trong năm 2012, có 71,7% trong tổng số lao động trẻ em trong mẫu nghiên cứu không còn đi học nữa, còn năm 2016 là có 67,5% em không còn đi học.

Theo nghiên cứu của Zheng (2006) thì việc tích lũy kiến thức và lao động trẻ em có mối tương quan nghịch chiều nhau, có một sự đánh đổi giữa việc học và làm việc của trẻ, khi trẻ đầu tư thời gian vào việc học tập sẽ có ít thời gian cho công việc. Vấn đề cần xem xét ở đây là khi trẻ không đi học, kiến thức của trẻ sẽ không tăng lên và không có cơ hội tiếp cận với lượng kiến thức ngày một gia tăng hay kỹ năng làm việc chuyên môn. Thật vậy, việc có kiến thức hoặc có kỹ năng sẽ giúp trẻ kiếm được nhiều tiền lương hơn trong thị trường lao động hiện nay, thị trường đòi hỏi người lao động phải trang bị đầy đủ kiến thức về ngành nghề lao động.

Hình 4: TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO NHÓM TUỔI VÀ GIỚI TÍNH

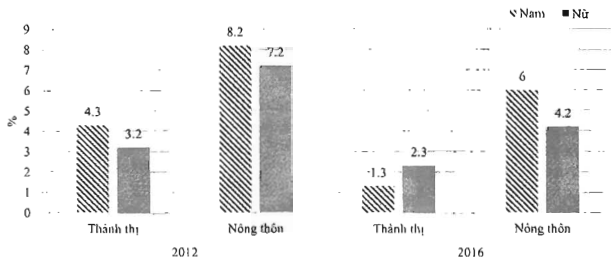


Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016.

Xét theo nhóm tuổi của lao động trẻ em, có thể thấy độ tuổi càng cao thì tỷ lệ lao động trẻ em cũng tăng theo ở cả nam và nữ (Hình 4), điều đó cũng tương đồng với nghiên cứu của Ray (2000, 2002) khi cho rằng tỷ lệ trẻ em tham gia thị trường lao động có xu hướng gia tăng theo độ tuổi cho cả trẻ

em nam và trẻ em nữ. Ngoài ra, có thể thấy, hầu như tỷ lệ trẻ em nam tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nữ ở tất cả các nhóm tuổi, trừ năm 2012, trong nhóm 10-11 tuổi có tỷ lệ trẻ em nữ cao hơn tỷ lệ trẻ em nam (4,5% so với 4,1%).

Hình 5: TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO KHU VỰC VÀ GIỚI TÍNH



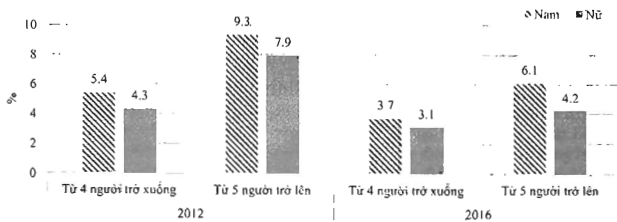
Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016.

Hình 5 cho thấy tỷ lệ lao động trẻ em ở nông thôn cao hơn ở thành thị do đa phần trẻ em trong mẫu nghiên cứu sinh sống ở nông thôn. Ngoài ra, trong các nghiên cứu của Rosati và Tzannatos (2006), Ray (2000) cũng đã minh chứng rằng những đứa trẻ sống trong khu vực thành thị làm

việc ít hơn những đứa trẻ sống ở khu vực nông thôn.

Xét về giới tính, tỷ lệ trẻ em nam hầu như cao hơn tỷ lệ trẻ em nữ, ngoại trừ năm 2016 ở thành thị, tỷ lệ trẻ em nữ cao hơn tỷ lệ trẻ em nam (2,3% so với 1,3%).

Hình 6: TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH VÀ GIỚI TÍNH



Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016.

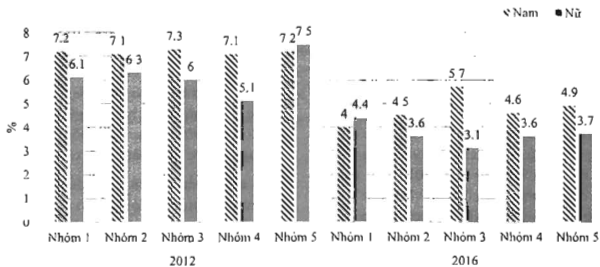
Hình 6 cho thấy, trẻ em sống trong các hộ gia đình có quy mô từ 5 người trở lên có tỷ lệ tham gia lao động cao hơn so với trẻ em sống trong các hộ gia đình có quy mô từ 4 người trở xuống.

Số trẻ em trong hộ là một trong những nhân tố có tác động tích cực đến lao động trẻ em trong hộ, trẻ em trong hộ là nhân tố quyết định nguồn cung lao động trẻ em (Grootaert và Kanbur, 1995). Hộ với số trẻ em ít, chi tiêu cho trẻ chỉ chiếm một phần nhỏ chi tiêu của hộ, phần thu nhập còn lại đủ để trang trải cuộc sống và kết quả là trẻ em trong hộ không phải làm việc để kiếm thêm thu nhập mà có thể tham gia học tập, đầu tư nhiều hơn cho tương lai (Cigno, 2002). Việc gia tăng số trẻ em trong hộ làm tăng khả năng làm việc của trẻ (Rosati và Tzannatos, 2006).

Xét về giới tính, tỷ lệ trẻ em nam tham gia lao động sống trong các quy mô hộ gia đình đều cao hơn tỷ lệ trẻ em nữ tham gia lao động.

Thu nhập của hộ gia đình trong nghiên cứu này được chia thành 5 nhóm (nhóm 1 - nghèo, nhóm 2 - cận nghèo, nhóm 3 - trung bình, nhóm 4 - khá giả, nhóm 5 - giàu). Xét theo thu nhập bình quân của hộ gia đình, Hình 7 cho thấy trong năm 2012, nhóm 5 (nhóm giàu) lại có tỷ lệ trẻ em tham gia lao động nhiều nhất và tỷ lệ trẻ em nữ tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nam trong nhóm này (7,5% so với 7,2%), cũng trong năm này, 4 nhóm còn lại tỷ lệ trẻ em nam tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nữ. Trong năm 2016, không có sự khác biệt quá nhiều giữa 5 nhóm, nhóm 1 có tỷ lệ trẻ em nữ tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nam (4,4% so với 4,0%) còn 4 nhóm còn lại tỷ lệ trẻ em nam luôn cao hơn trẻ em nữ.

Hình 7: TÌNH TRẠNG LAO ĐỘNG TRẺ EM PHÂN THEO THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH VÀ GIỚI TÍNH



Nguồn: Tính từ bộ số liệu VHLSS 2012 và VHLSS 2016

Trong nghiên cứu của Nguyễn Văn Chính (2005) cho rằng, kinh tế hộ gia đình là yếu tố quyết định đối với tham gia thị trường lao động của lao động trẻ em còn cần phải được xem xét kỹ hơn trên cơ sở những nghiên cứu thực nghiệm tại hộ gia đình. Lý luận này chỉ hữu ích khi các thành viên trong một hộ gia đình là một thể thống nhất. Nhưng trên thực tế, các thành viên trong gia đình có thể làm việc cho riêng mình và họ cũng có thể tự do trao đổi lao động với thị trường mà không nhất thiết phải làm việc cho hộ gia đình của mình.

Yếu tố chính sách

Hệ thống pháp luật, chính sách bảo vệ trẻ em ngày càng hoàn thiện, Việt Nam là nước đầu tiên ở khu vực châu Á và là nước thứ hai trên thế giới phê chuẩn Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (CRC) ngày 20/2/1990. Kể từ khi phê chuẩn CRC, chính phủ đã tích cực nội lực hoá các quy định của hệ thống pháp luật quốc tế vào trong hệ thống pháp luật quốc gia, đồng thời đẩy mạnh, triển khai thực thi chính sách đảm bảo quyền trẻ em.

Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn hai Công ước cơ bản của ILO liên quan đến lao động trẻ em, đó là Công ước về tuổi tối thiểu được phép lao động (Công ước 138, 1973) và Công ước cấm và hành động ngay lập tức để xoá bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Công ước 182, 1999). Sau khi phê chuẩn Công ước, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến giải quyết vấn đề lao động trẻ em.

Luật trẻ em năm 2016 quy định những nguyên tắc, vai trò và trách nhiệm cơ bản của hệ thống bảo vệ trẻ em là hành lang pháp lý toàn diện để thực hiện các biện pháp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, đảm bảo cho các em phát triển toàn diện, đảm nhận sứ mệnh làm chủ tương lai của đất nước. Trong Luật này cũng có một chương riêng tập trung vào những vấn đề trẻ em cần sự bảo vệ đặc biệt, nhấn mạnh và thiết lập một khuôn khổ pháp luật về bảo vệ trẻ em trên các phương diện sức khỏe, sự phát triển và phục hồi tinh thần, các quy định này cũng nhằm hỗ trợ việc tái hoà nhập của trẻ em vào gia đình và cộng đồng.

Luật Lao động năm 2012 cũng có quy định riêng về việc sử dụng lao động là người chưa thành niên tại Mục I, Chương XI.

Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn được điều chỉnh trong nhiều bộ luật quan trọng khác của Việt Nam như Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định nguyên tắc đối xử bình đẳng đối với công dân Việt Nam không phân biệt đối xử trên cơ sở dân tộc, giới tính, vị trí xã hội và kinh tế, tôn giáo, công nhận các quyền của cá nhân, Bộ luật hình sự năm 2015 quy định 7 tội danh liên quan tới xâm hại tình dục trẻ em, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định các thủ tục trong kháng án dân sự, các thủ tục xem xét về việc liên quan tới quyền trẻ em và phụ nữ, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khuyến khích bình đẳng giới trong hôn nhân, đối xử bình đẳng với con trai và con gái, và nhấn mạnh việc đối xử bình đẳng giữa các trẻ em được sinh ra trong và ngoài giá thú, Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định bạo lực gia đình (bao gồm cả bạo lực với trẻ em) là hành vi phạm pháp, Luật nghĩa vụ quân sự (sửa đổi năm 2005) quy định độ tuổi nhập ngũ là 18 tuổi và đưa ra các biện

pháp nhằm đảm bảo không tuyển trẻ em ít hơn 18 tuổi... Tất cả những luật này đều hướng tới bảo vệ trẻ em và thực thi quyền trẻ em.

Như vậy, cho đến nay về cơ bản hệ thống pháp luật quốc gia về bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã tương đối đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hài hoà với pháp luật quốc tế và ứng phó kịp thời với những mối quan hệ xã hội mới, tạo hành lang pháp lý toàn diện bảo vệ trẻ em khỏi các hình thức bạo lực, lạm dụng, bóc lột và ngược đãi, nhất là đối với các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo quy định của pháp luật.

Kết luận

Qua phân tích bộ số liệu điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2012 và 2016 cho thấy tình trạng lao động trẻ em trong giai đoạn 2012 - 2016 có xu hướng giảm, phần lớn trẻ em tham gia làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản - là lĩnh vực thường có mức thu nhập thấp và không ổn định. Thời gian làm việc trong ngày của lao động trẻ em có xu hướng tăng lên trong giai đoạn này, độ tuổi các các em càng cao thì tỷ lệ trẻ em tham gia lao động cũng tăng theo ở cả nam và nữ. Có một bộ phận nhỏ trẻ em làm việc cho nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài, ngoài ra, lao động trẻ em trong mẫu nghiên cứu thường làm việc không có hợp đồng lao động, ít được đóng bảo hiểm xã hội.

Có nhiều yếu tố liên quan đến tình trạng lao động trẻ em, trong đó giới tính có ảnh hưởng rõ rệt nhất, trẻ em nam tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nữ trong 4 năm (2012-2016), tuy nhiên cũng có trường hợp trẻ em nữ tham gia lao động nhiều hơn trẻ em nam giữa các nhóm theo nhóm tuổi, học vấn, thu nhập hộ gia đình, khu vực sinh sống.

Về mặt chính sách, cho đến nay về cơ bản Việt Nam đã có hệ thống chính sách đầy đủ để bảo vệ và chăm sóc trẻ em, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cập nhật với điều kiện thực tế của quốc gia và hội nhập luật pháp quốc tế trong công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và vấn đề lao động trẻ em nói riêng, tăng cường chế tài xử lý các trường hợp vi phạm sử dụng lao động trẻ em trái với quy định của pháp luật.

Đồng thời, cần lồng ghép giải quyết vấn đề lao động trẻ em với các chính sách phát triển kinh tế và xã hội (phát triển nông thôn, hiện đại hoá nông

ng nghiệp, phát triển kinh tế hàng hoá, giáo dục, đào tạo nghề, giảm nghèo) trong khu vực nông thôn để thực hiện xoá bỏ lao động trẻ em trên diện rộng.

Tài liệu tham khảo

1. Cigno, A., Rosati, F., and Tzannatos, Z. (2002). Child labor handbook. *Social Protection Department Discussion Paper*, (206).
2. Grootaert, C., and Kanbur, R. (1995). Child labor: A review. *World Bank Policy Research Working Paper*, (1454).
3. ILO (2014). *Điều tra Quốc gia về Lao động trẻ em 2012 - Các kết quả chính*. ILO.
4. Nguyễn Danh Sơn (2012). Hệ thống an sinh xã hội cho người nông dân Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, tr. 41-53.
5. Nguyễn Văn Chính (2005). Lao động của trẻ em trong nền kinh tế quá độ ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, Số 2, tr. 57-73.
6. Phan Thị Lan Phương (2014). Phòng, chống lạm dụng lao động trẻ em góp phần thúc đẩy việc thực hiện quyền trẻ em ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Tập 30, Số 4, tr 58-64.
7. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012). *Luật lao động*. Luật số 10/2012/QH13.
8. Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016). *Luật trẻ em*. Luật số 102/2016/QH13.
9. Ray, R (2000). Analysis of child labour in Peru and Pakistan: A comparative study. *Journal of population Economics*, 13 (1): 3-19.
10. Ray, R (2002). The determinants of child labour and child schooling in Ghana. *Journal of African Economies*, 11 (4), 561-590
11. Rosati, F., and Tzannatos, Z. (2006). Child labour in Vietnam. *Pacific Economic Review*, 11 (1), pp. 1-31.
12. Zheng, X (2006). *The Economics of Child Labor*. Dissertation, Georgia State University.

Thông tin tác giả:

Trần Việt Long, Th.S

- Đơn vị công tác: Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

- Địa chỉ email: tranlong.ussh@gmail.com

Ngày nhận bài: 28/6/2019

Ngày nhận bản sửa: 30/7/2019

Ngày duyệt đăng: 22/8/2019